

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CAO LÃNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 269/2024/DS-ST  
Ngày: 13-11-2024  
V/v “Tranh chấp dân sự - Hợp  
đồng vay tài sản”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Phượng  
2. Ông Châu Quốc Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trọng Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 13 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 493/2024/TLST-DS, ngày 01 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp dân sự - Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 567/2024/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Phước L, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Tổ B, Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị S, (Ngọc S1) sinh năm 1974.

Địa chỉ: Tổ C, Ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp

(Ông L, bà S1 có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Trần Phước L trình bày:

Bà Nguyễn Thị S có vay của ông Trần Phước L số tiền là 40.000.000 đồng vào ngày 20/3/2019, có làm biên nhận nợ. Bà S cam kết trả dần hàng tháng với số tiền là 3.000.000 đồng đến khi hết nợ, bắt đầu trả vào 30/8/2019.

Đến hạn trả nợ nhưng bà S không thực hiện như thỏa thuận. Thời gian sau bà S có trả được 3.000.000 đồng, còn nợ lại 37.000.000 đồng cho đến nay.

Nay ông L khởi kiện yêu cầu bà S có trách nhiệm trả cho ông L số tiền còn nợ là 37.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

***Theo lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị S trình bày:***

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Phước L thì bà S thống nhất. Năm 2019 bà S có vay tiền giùm người cháu từ ông L, với số tiền là 40.000.000 đồng. Khi vay có ký tên vào biên nhận, trên biên nhận bà S ký tên Nguyễn Ngọc S1 là tên thường gọi, bà S1 thống nhất chữ ký trên biên nhận mà ông L nộp là của bà S1. Bà S1 đã trả được 3.000.000 đồng và hiện còn nợ lại ông L số tiền 37.000.000 đồng.

Nay bà S1 đồng ý trả cho ông L số tiền còn nợ là 37.000.000 đồng. Tiền án phí dân sự thì bà S1 không đồng ý nộp.

***\* Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:***

*Tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp:*

Giấy biên nhận được viết tay bằng mực bút bi màu xanh trên giấy tập học sinh (Bản chính).

Các tài liệu trong hồ sơ đã được công khai tại phiên họp công khai và tiếp cận chứng cứ ngày 16/10/2024

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, xét thấy: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Phước L yêu cầu bà Nguyễn Thị S có trách nhiệm trả số tiền vay còn nợ là 37.000.000 đồng (Ba mươi bảy triệu đồng) nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp dân sự - Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự.

[2] Về thẩm quyền, xét thấy: Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn có địa chỉ tại xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp vụ án nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ông Trần Phước L yêu cầu bà Nguyễn Thị S có nghĩa vụ trả cho ông L số tiền nợ là 37.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Vào ngày 20/3/2019 bà S có vay của ông L số tiền 40.000.000 đồng, thỏa thuận thời hạn trả dần hàng tháng, mỗi tháng trả 3.000.000 đồng là 01 tháng, thời hạn trả bắt đầu từ 30/8/2019, khi vay có làm biên nhận, bà S có ký tên vào biên nhận vay tiền. Việc bà S ký biên nhận vay tiền với ông L là tự nguyện, không bị ai ép buộc, mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, xác định việc các bên có xác lập hợp đồng vay tiền là có thật.

Sau khi vay thì bà S đã trả được cho ông L số tiền 3.000.000 đồng, hiện còn nợ số tiền 37.000.000 đồng. Tuy nhiên sau đó bà S đã không thực hiện đúng việc trả nợ như hai bên đã thỏa thuận và ông L đã nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng bà S vẫn không trả.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị S thừa nhận có vay của ông L số tiền là 40.000.000 đồng, đã trả được 3.000.000 đồng và hiện còn nợ lại số tiền 37.000.000 đồng. Bà S đồng ý trả cho ông L số tiền còn nợ là 37.000.000 đồng cho ông L. Xét thấy ý kiến của bà S là tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Do đó, việc ông Trần Phước L yêu cầu bà Nguyễn Thị S có nghĩa vụ thanh toán số nợ là 37.000.000 đồng là có căn cứ nên chấp nhận.

[3.2] Về lãi suất: Do nguyên đơn ông L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L. Bà S có trách nhiệm trả cho ông L số tiền còn nợ là 37.000.000 đồng.

[4] Về án phí:

Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, Hội đồng xét xử xác định nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm như sau:

- Bà Nguyễn Thị S phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm số tiền 1.850.000 đồng (37.000.000 đồng x 5%).

- Ông Trần Phước L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền 925.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009078 ngày 01/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng:

**Các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự;**

Khoản 3 Điều 26, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Phước L.

Buộc bà Nguyễn Thị S có trách nhiệm trả cho ông Trần Phước L số tiền nợ là 37.000.000 đồng (Ba mươi bảy triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí:

Buộc bà Nguyễn Thị S phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm số tiền 1.850.000 đồng.

Ông Trần Phước L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền 925.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009078 ngày 01/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Tòa án Tỉnh;
- CC THADS HCL;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**  
**Đã ký**

**Võ Thị Kim Hoa**